

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: **Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu trên địa bàn huyện năm 2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI
KHÓA XIV KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp; Thông tư 02/2018/TT-BKHĐT, ngày 14/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT ngày 14/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định danh mục loại cây trồng lâm nghiệp chính, công nhận giống và nguồn giống, quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính;

Căn cứ Công văn số 101/UBND-NNTN ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chỉ tiêu trồng rừng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh ban hành về việc phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi, đất bạc màu

tên địa bàn huyện năm 2021; Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh về điều chỉnh các Dự án hồ trợ trồng rừng sản xuất năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt;

Thực hiện Công văn số 1862/LN: SNNPTNT-STC-SKHDT ngày 12/7/2021 của Liên ngành Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Kế hoạch và đầu tư và Sở Tài chính về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục triển khai các Dự án hồ trợ trồng rừng sản xuất;

Thực hiện Thông báo số 305-TB/HU ngày 20/8/2021 về việc thông báo kết luận của Thường trực Huyện ủy.

Xét Tờ trình số 227/TT-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Hồ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trồng, đồi núi, đất bậc màu trên địa bàn huyện Đăk Glai năm 2021 do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý Dự án.

1. Mục tiêu đầu tư: Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần ổn định đời sống người dân sống gần rừng, gần với công tác quản lý bảo vệ rừng. Tăng độ che phủ rừng; kết hợp với bảo vệ tài nguyên đất, chống xói mòn, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường sinh thái trong khu vực. Thu hút đầu tư trồng rừng, tái tạo rừng để phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Quy mô đầu tư, đối tượng hồ trợ:

- Quy mô: Hồ trợ trồng mới 300 ha rừng sản xuất, khai thác sau 10 năm tuổi (sản xuất gỗ lớn).

- Đối tượng hồ trợ: Theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT ngày 14/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ và phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 9.840 triệu đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 1.500 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách huyện: 1.740 triệu đồng.
- Nguồn vốn do hộ gia đình, cá nhân đóng góp: 6.600 triệu đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: 09 xã và thị trấn Đăk Glai (Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo).

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành trong năm 2021.

9. Các nội dung khác:

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư Dự án: Hội đồng nhân dân huyện Đăk Glai.

- Cấp quyết định phê duyệt dự án: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei.
- Hình thức đầu tư: Hỗ trợ trực tiếp bằng hiện vật (*giống, phân bón, thuốc BVTV,...*).
- Giống cây trồng: Thông ba lá, Keo tai tượng, Mắc ca và các giống cây lâm nghiệp khác đảm bảo theo quy định, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện và chỉ đạo Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng định mức, thanh toán và quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Phòng Nông nghiệp & PTNT (*Chủ đầu tư*) chịu trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hoàn thành dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa XV kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT. *Đ*



CHỦ TỊCH

Hoàng Trung Thông

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TRỒNG RỪNG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK GLEI

(Kèm theo Nghị quyết số: 49/NQ-HĐND, ngày 20/10/2021 của HĐND huyện)



ST T	UBND các xã, thị trấn	Hiện trạng đất đang sử dụng (ha)	Vị trí trồng rừng	Kết quả rà soát đo đạc trồng rừng			Ghi chú
				Số hộ đăng ký	Diện tích (ha)	Loại cây đăng ký trồng	
1	Thị trấn	Mỳ, Lúa, Bời Lời, Cao su	Tiểu khu 96 khoảnh 2 (lô 1-8), khoảnh 5 (lô 1,2), khoảnh 6 (lô 1-22), khoảnh 7 (lô 1); Tiểu khu 98 khoảnh 5 (lô 1-5; 7-16), khoảnh 7 (lô 1), khoảnh 8 (lô 1-7)	51	45,49	Thông 3 lá	
2	Đắk Man	Mỳ	Tiểu khu 16 khoảnh 1 (lô 1,2); Tiểu khu 23 khoảnh 13; Tiểu khu 26 khoảnh 7 (lô 1-4); Tiểu khu 27 khoảnh 1, 2 (lô 1-5), 3 (lô 1), 4 (lô 1), 5 (lô 1), 6 (lô 1-3), 7 (lô 1) xã Đắk Man, Tiểu khu 48 khoảnh 1 (lô1, xã Đắk Pek).	15	18,94	Thông 3 lá, Keo	
3	Xốp	Mỳ	Tiểu khu 63 khoảnh 2 (lô 1), 6 (lô 1); Tiểu khu 66 khoảnh 3 (lô 1-3), 4 (lô 1), 5 (lô 1-3); Tiểu khu 69 khoảnh 1 (lô 1-4), 2 (lô 1); Tiểu khu 70 khoảnh 1 (lô 1-5); Tiểu khu 72 khoảnh 1 (lô 1,2); Tiểu khu 62a khoảnh 5 (lô 1-4)	23	18,65	Mắc Ca	
4	Đắk Choong	Mỳ, Lúa, Bời Lời, Cà phê	Tiểu khu 53 khoảnh 9 (lô 2), 10 (lô 1-8); Tiểu khu 54 khoảnh 6 (lô 1), 7 (lô 1-7); Tiểu khu 56 khoảnh 5 (lô 1), 6 (lô 6), 7 (lô 1-9); Tiểu khu 57 khoảnh 1 (lô 1-9), 5 (lô 1); Tiểu khu 58 khoảnh 1 (lô 1-4), 2 (lô 1,2,3)	36	29,43	Mắc Ca	
5	Mường Hoang	Đất trống	Tiểu khu 83 khoảnh 3(lô 1, 2); Tiểu khu 87 khoảnh 2 (lô 1,2), 4 (lô 1-8); Tiểu khu 89 khoảnh 1 (lô 1-3)	11	10,14	Thông 3 lá	
6	Đắk Pek	Mỳ, bời lời	Tiểu khu 48 khoảnh 8 (1); Tiểu khu 50 khoảnh 7 (lô 1,2); Tiểu khu 51 khoảnh 7 (lô 1-3,5), 8 (lô 1-7); Tiểu khu 52 khoảnh 6 (lô 1-4), 7 (lô 1-9), 8 (lô 1-8), 10 (lô 1-3); Tiểu khu 97a khoảnh 3 (lô1,2)	32	41,91	Thông 3 lá	
7	Đắk Nhoong	Mỳ, Lúa, Bời Lời, Cà phê	Tiểu khu 34 khoảnh 14 (1); Tiểu khu 35 khoảnh 10 (lô 1-3), 14 (lô 1-3); Tiểu khu 39 khoảnh 1 (lô 1-10), 3 (lô 1-5)	21	9,7	Thông 3 lá	
8	Đắk Long	Mỳ, Lúa	Tiểu khu 122 khoảnh 6 (lô 1), 8 (lô 1,2), 10 (lô 1,2); Tiểu khu 124 khoảnh 9 (lô 1); Tiểu khu 126 khoảnh 3, (lô 1) 4 (lô 1), 5 (lô 1-6); Tiểu khu 127 khoảnh 5 (lô 1), 7 (lô 1); Tiểu khu 128 khoảnh 4 (lô 1); Tiểu khu 129 khoảnh 2 (lô 1,2), 3 (lô 1-6,8,9), 4 (lô 2-6), 5 (lô 1-4,6), 7 (lô 1); Tiểu khu 130 khoảnh 1, (lô 1,2), 2 (lô 1,2), 3 (lô 1,2,7), 6 (lô 1-7), 4 (lô 1), Khoảnh 7 (lô 2); Tiểu khu 131 khoảnh 6; Tiểu khu 133 khoảnh 1, 3, 6 (lô 1-3); Tiểu khu 135 khoảnh 1 (lô 1), 2 (lô 1-18)	62	54,31	Keo, Mắc ca, Thông 3 lá	

ST T	UBND các xã, thị trấn	Hiện trạng đất đang sử dụng (ha)	Vị trí trồng rừng	Kết quả rà soát đo đạc trồng rừng			Ghi chú
				Số hộ đăng ký	Diện tích (ha)	Loại cây đăng ký trồng	
9	Đăk Môn	Mỳ, Lúa	Tiểu khu 138 khoảnh 6 (lô 1,2), 7 (lô 1-4), 8 (lô 1-3); Tiểu khu 140 khoảnh 2 (lô 1), 3 (lô 1-3), 4 (lô 1), 6 (lô 1), 7 (lô 1-3); Tiểu khu 141 khoảnh 2 (lô 1-4), 3 (lô 1); Tiểu khu 142 khoảnh 1 (lô 1-21), 3 (lô 1-6), 5 (lô 1,2), 6 (lô 1)	48	32,06	Thông 3 lá, Mắc Ca	
10	Đăk Kroong	Mỳ, Lúa, Bời Lời, Cà phê	Tiểu khu 105 khoảnh 6 (lô 1), 10 (lô 1-3); Tiểu khu 106 khoảnh 3 (lô 1-4), 5 (lô 1-10); Tiểu khu 107 khoảnh 1 (lô 1-6), 2 (lô 1-14,), 4 (lô 1-6), 5 (lô 1); Tiểu khu 108 khoảnh 3 (lô 1-3), 4 (lô 1-8); Tiểu khu 112 khoảnh 2 (lô 1)	50	39,37	Thông 3 lá	
	Tổng			349	300		

Ghi chú:

- ví dụ Lô 1-5, được hiểu là lô 1,2,3,4,5

- ví dụ Lô 1-5,7,8 được hiểu là lô 1,2,3,4,5,7,8